

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2024/TLST - DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty S

Địa chỉ: Số ABC ND, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phạm Hoàng M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số CD/Q LHP, khu vực X, phường TN, quận BT, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Trung K, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp ĐP, xã ĐM, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo giấy đăng ký kinh doanh, Công ty S hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Vào ngày 07/02/2023 ông Phạm Trung K có ký hợp đồng số LPM230201002NA18X cầm cố tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS: 65H1-XYZ.62, loại xe Yamaha Exciter, số khung RLCUG0610JY622635, số máy G3D4E648362, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 65 000379 do Công an xã ĐM cấp ngày 26/01/2023. Số tiền cầm cố 11.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 07/02/2023-07/02/2024) với mức lãi suất 1,1%/tháng. Mỗi tháng ông K có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi. Trường hợp không trả lãi đúng hạn thì ông K phải trả lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, ông K còn phải chịu khoản phí quản lý hồ sơ cố định trong 12 tháng. Cùng ngày 07/02/2023 công ty đã giải ngân số tiền 11.000.000 đồng cho ông K. Sau đó ông K có ký giấy mượn lại xe để sử dụng. Thỏa thuận trong 01 tháng sẽ trả lại xe. Sau khi ông K nhận tiền đến nay chỉ thanh toán được 01 kỳ và ngưng trả cho đến nay và cũng không trả lại xe. Tính đến thời điểm khởi kiện ông K nợ Công ty số tiền 23.410.193 đồng, trong đó nợ gốc 10.312.911 đồng, lãi trong hạn 736.798.68 đồng, lãi quá hạn 9.681.442 đồng, phí quản lý hồ sơ 2.679.040 đồng. Tại phiên tòa, ông Trương Phạm Hoàng M đại diện theo ủy quyền của Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ 2.679.040 đồng và rút lại yêu cầu đòi ông K trả lại xe. Chỉ yêu cầu ông K trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh đến thời điểm xét xử là 24.452.413 đồng (trong đó nợ gốc 10.312.911 đồng, lãi trong hạn 2.587.846 đồng, lãi quá hạn 11.551.656 đồng). Đồng thời, yêu cầu ông K trả lãi phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Trung K trả cho Công ty S số tiền 24.452.413 đồng (trong đó nợ gốc 10.312.911 đồng, lãi trong hạn 2.587.846 đồng, lãi quá hạn 11.551.656 đồng) tính đến ngày 19/02/2025 và lãi suất phát sinh từ ngày 20/02/2025 đến khi ông K thanh toán xong nợ. Công ty S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy cho ông K khi ông K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông K trả lại 01 xe mô tô BKS 65H1-XYZ.62 loại xe Yamaha Exciter, số khung RLCUG0610JY622635, số máy G3D4E648362 và phí quản lý hồ sơ do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu giải quyết “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” với bị đơn ông Phạm Trung K có nơi cư trú tại ấp ĐP, xã ĐM, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hợp đồng cầm cố và phụ lục hợp đồng cầm cố số số LPM230201002NA18X ngày 07/02/2023 và giấy mượn xe giữa ông K với Công ty S. Đủ căn cứ xác định ông Phạm Trung K cầm cố cho Công ty S 01 xe mô tô

hai bánh BKS: 65H1-XYZ.62, loại xe Yamaha Exciter, số khung RLCUG0610JY622635, số máy G3D4E648362, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 65 000379 do Công an xã ĐM cấp ngày 26/01/2023. Số tiền cầm cố 11.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 07/02/2023-07/02/2024) với mức lãi suất 1,1%/tháng Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, thể hiện sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản thì ông Phạm Trung K đã ký giấy mượn lại xe nêu trên và sử dụng cho đến nay. Tính đến thời điểm khởi kiện thì hợp đồng cầm cố và mượn lại xe đã quá thời hạn thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty S hoạt động lĩnh vực nhận cầm cố tài sản có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật. Ông Phạm Trung K thỏa thuận ký kết hợp đồng cầm cố trên cơ sở tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng nên Công ty S khởi kiện yêu cầu ông K trả toàn bộ số tiền nêu trên, ông K không có ý kiến phản hồi cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ phủ nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền đã cầm cố tài sản và lãi suất phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông K giao trả lại xe đã cầm cố vì hiện tại không biết tài sản đang ở đâu. Đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ 2.679.040 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 311; Điều 313; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc ông Phạm Trung K phải trả cho Công ty S số tiền 24.452.413 đồng (trong đó nợ gốc 10.312.911 đồng, lãi trong hạn 2.587.846 đồng, lãi quá hạn 11.551.656 đồng) tính đến ngày 19/02/2025.

Kể từ ngày 20/02/2025 ông K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Công ty S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 65 000379 do Công an xã ĐM cấp ngày 26/01/2023 cho ông K khi ông K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Phạm Trung K về việc buộc ông K trả 01 xe mô tô hai bánh BKS: 65H1-XYZ.62, loại xe Yamaha Exciter, số khung RLCUG0610JY622635, số máy G3D4E648362, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 65 000379 do Công an xã ĐM cấp ngày 26/01/2023 và số tiền phí quản lý hồ sơ 2.679.040 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Trung K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.222.620 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Công ty S không phải nộp. Đại diện Công ty S đã nộp tạm ứng án phí 585.000 đồng theo biên lai thụ tiền số 0004552 ngày 12/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được nhận lại đủ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện TL;*
- *TAND TPCT;*
- *Cơ quan THA huyện TL;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm